

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2018/HS-ST.

Ngày 12-6-2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B -TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Loan Trần Hải Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thái Hòa.

Bà Nguyễn Thị Nhạn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bằng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018 tại Trụ sở Ủy ban nhân dân phường M thành phố B, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 127/2018/TLST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Phan Ngọc Đ, sinh năm 1984, tại Nam Định

Nơi cư trú: Tổ A, khu phố C, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Cảnh H, sinh năm 1950 và bà Vũ Thị N, sinh năm 1956; Bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án:

- Ngày 30/11/2009, bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 21/6/2009 (Chưa được xóa án tích).

- Ngày 30/6/2011, bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 04/03/2011 (Chưa được xóa án tích).

- Ngày 17/04/2013, bị Tòa án nhân dân thị xã I, tỉnh Bình Dương xử phạt 05 (năm) năm tù giam về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 28/02/2013. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, ngày 03/7/2013 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 05 (năm) tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/02/2013, đến ngày 28/4/2017 chấp hành xong hình phạt tù (Chưa được xóa án tích).

Tiền sự: Không.

Bị bắt quả tang ngày 15/02/2018, chuyển tạm giam theo lệnh số 119/LTG ngày 22/02/2018 của Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an thành phố B. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố B. (Bị cáo có mặt)

- *Người bị hại:* Chị Bùi Thị G – sinh năm 1993. Địa chỉ: Đường V, khu phố K, thị xã D, tỉnh Bình Dương. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Ngọc Đ người sử dụng trái phép chất ma túy, đã tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” và không có nghề nghiệp. Khoảng 15 giờ 10 phút ngày 15/02/2018, Đ đi bộ một mình qua qua nhà trọ số tổ S, khu phố X, phường M, thành phố B thì thấy chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave, biển số 36B6-206.74 của chị Bùi Thị H, ngụ tại thôn Y, xã V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa dựng ở hành lang trước cửa phòng trọ. Đ nảy sinh ý định trộm cắp, quan sát thấy không có người nên Đ đi vào dùng chìa khóa xe máy của Đ mang theo mở khóa xe máy của chị H nhưng không mở được, Đ tiếp tục dùng tay giật đứt dây điện công tắc ở cổ xe, thấy đèn mo sáng Đ nổ máy xe chạy ra đến gần cổng nhà trọ thì bị chị H phát hiện tri hô cùng quần chúng nhân dân bắt giữ Đ cùng tang vật giao cho công an phường B lập hồ sơ chuyển đến cơ quan điều tra Công an thành phố B điều tra xử lý.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 36B6-206.74 đã được thu hồi và trả cho chủ sở hữu là chị Bùi Thị H.

- 01 chìa khóa bằng sắt có phần chuôi bằng nhựa màu đen.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 43/TCKH-HĐĐG ngày 21/02/2018 của Hội đồng định giá tài sản thành phố B kết luận: “01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 36B6-206.74 có giá trị định giá tài sản là 16.140.500đ”

Về trách nhiệm dân sự: Chị Bùi Thị H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có ý kiến hay khiếu nại đối với Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản thành phố B.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa không có ý kiến đối với Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản thành phố B.

Bản cáo trạng số: 135/CT-VKSBH ngày 17/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo Phan Ngọc Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B trình bày lời luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phan Ngọc Đ từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Tịch thu tiêu hủy 01 chìa khóa bằng sắt có phần chuôi bằng nhựa màu đen. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Bị cáo Phan Ngọc Đ không nói lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, với lời khai của người bị hại, các chứng cứ khác có tại hồ sơ và cáo trạng mô tả. Từ đó đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ 10 ngày 15/02/2018, Phan Ngọc Đ đã có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô hiệu Honda Wave, biển số 36B6-206.74 có trị giá là 16.140.500đ của chị Bùi Thị H thì bị phát hiện bắt quả tang. Bị cáo có 03 tiền án chưa được xóa án tích, đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý nên hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự như cáo trạng đã truy tố là có căn cứ.

Tại khoản 1, điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) *Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;*

b) *Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;*

c) *Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;*

d) *Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;*

đ) *Tài sản là di vật, cổ vật.”*

2. *Phạm tội một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:*

...

g) *Tái phạm nguy hiểm”.*

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo là người trong độ tuổi lao động, nhưng không sử dụng sức lao động để tạo ra của cải nuôi sống bản thân một cách chân chính, mà lại thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản. Nên cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thì bị cáo là người nghiện ma túy. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 36B6-206.74 là của chị Bùi Thị H Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã thu hồi và trả lại cho chị H là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Chị Bùi Thị H đã nhận lại tài sản nên không tiếp tục yêu cầu bồi thường, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phan Ngọc Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Phan Ngọc Đ 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/02/2018.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) chìa khóa xe máy bằng kim loại phần chui nhựa màu đen (Theo biên bản giao nhận vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B ngày 15/5/2018).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Phan Ngọc Đăng phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP. B (2);
- Nhà tạm giữ Công an TP. B (1);
- Thi hành án hình sự (6);
- Bị cáo (1);
- Người bị hại (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Loan Trần Hải Yến